

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BB  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 17-8-2020.

Về tranh chấp “Hợp  
đồng vay” và “hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Lại Thị Mỹ Tâm

2/Bà Phạm Thị Bích Lệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Chiêm Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 101/2019/TLST–DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay” và “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX–DSST ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 31/7/2020 giữa các bên đương sự:

-**Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim Th, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Thái Th, xã Hồng Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

-**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn An Tr, xã Bình A, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và cũng như quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Kim Th trình bày: Gia đình bà có đăng ký kinh doanh thu mua thanh long nên ngày 04/01/2018 ông Nguyễn Thanh Ph (tên gọi khác là Phương) có vay của bà 150.000.000đ để đầu tư chăm sóc cây Thanh Long, thỏa thuận vay không lãi suất nhưng có trái ông Ph bán cho bà Lê Thị Kim Th. Đến ngày 21/4/2019 ông Ph vay thêm 10.000.000đ và tiếp tục 24/5/2018 ông Nguyễn Thanh Phong vay thêm 5.000.000 đồng để đầu tư cây Thanh long. Ngoài ra ông Ph còn mua phân thuốc của gia đình bà do con bà là anh T quản lý còn nợ số tiền phân thuốc 20.000.000đ. Sau đó bà nhập chung cùng tiền mượn và tiền phân thuốc tổng cộng ông Nguyễn Thanh Ph còn nợ tiền vay và mua bán là 185.000.000đ. Hai

lần vay ngày 04/01/2018 và ngày 21/4/2019 ông Ph có ký vào sổ vay của bà. Các lần vay thêm 5.000.000đ và mua phân thuốc tại cửa hàng của bà không cho ký tên vì tin tưởng nhau.

Sau khi vay tiền và mua phân thuốc để đầu tư cây thanh long ông Nguyễn Thanh Ph thu hoạch không bán trái cho bà và hiện nay không chăm sóc cây Thanh long mà giao đất và cây Thanh long cho người khác làm. Ông đi làm ăn nơi khác không trả nợ cho bà. Nhiều lần liên hệ qua điện thoại hứa hẹn nhưng không về thanh toán nên bà yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph phải trả tiền vay và mua bán cho bà 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) không tính lãi. Ngày 10/7/2020 bà Lê Thị Kim Th có lời khai xin rút một phần yêu cầu đối với khoản vay ngày 21/4/2019 số tiền vay 10.000.000đ và số tiền vay ngày 24/5/2018 là 5.000.000đ và số tiền phân thuốc 20.000.000đ. Vì số nợ này hiện ông Nguyễn Thanh Ph không có mặt về xác nhận nợ trực tiếp với bà nên sẽ khởi kiện vụ án khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph đã được Tòa án tổng đạt thủ tục thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo về thu thập chứng cứ của Tòa án hợp lệ nhưng ông Ph không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Th. Địa phương xác nhận ông Nguyễn Thanh Ph vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng thường xuyên không có mặt tại địa phương. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử.

\*Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph phải trả khoản nợ vay ngày 04/01/2018 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi. Rút một phần yêu cầu đối với khoản nợ vay ngày 21/4/2019 số tiền vay 10.000.000đ và khoản vay 5.000.000đ ngày 24/5/2018 và số tiền phân thuốc 20.000.000đ để giải quyết sau.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không đưa ra ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về quan điểm giải vụ án như sau:

+ Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự và thời hạn thủ tục cấp tổng đạt.

+ Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự

+ Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật tại Điều 70, bị đơn không chấp hành, vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 385; Điều 463, Điều 465; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Kim Th số tiền đã vay ngày 04/01/2018 là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đình chỉ về yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th đối với ông Nguyễn Thanh Ph về số tiền 35.000.000đ (Các khoản vay ngày 24/5/2018, 21/4/2019 và tiền phân thuốc)

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị Kim Th khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph về “Hợp đồng vay” và “Hợp đồng mua bán”, theo kết quả xác minh ngày 22/10/2019 Công an xã Bình A cho biết ông Nguyễn Thanh Ph có hộ khẩu thường trú tại địa phương thôn An Tr, xã Bình A, huyện BB. Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph vào thời điểm vay tiền và mua phân thuốc của bà Lê Thị Kim Th và đến nay vẫn có hộ khẩu tại địa phương thôn An Tr, xã Bình A, huyện BB, tỉnh Bình Thuận nhưng sau khi vay tiền, mua phân thuốc không có mặt tại địa phương và không thông báo cho bà Lê Thị Kim Th biết nơi thay đổi địa chỉ là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện BB thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Thanh Ph không đến Tòa án giải quyết vụ án nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh Ph vắng mặt 2 lần nhưng Tòa án đã niêm yết thủ tục tố tụng và niêm yết chứng cứ do Tòa án thu thập được hợp lệ nhưng vẫn không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh Ph là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Kim Th trình bày số tiền 150.000.000 đồng bà Th cho ông Ph vay ngày 04/01/2018 để đầu tư cây Thanh Long thỏa thuận bằng lời nói không tính lãi và phương thức trả nợ là bán trái Thanh long cho bà Th trừ nợ, khi vay có ông Nguyễn Thanh Ph ký và viết tên nhận nợ của bà với số nợ 150.000.000đ nhưng hiện nay không trả lại cho bà theo thỏa thuận nên bà Th yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph phải trả nợ vay cho bà số tiền vay 150.000.000 đồng. Theo kết luận giám định số 336/KLGD-PC 09 ngày 07/5/2020 của Công an tỉnh Bình Thuận - Phòng giám định kỹ thuật hình sự kết luận chữ ký và chữ viết tại khoản nợ 150.000.000 đồng do bà Th cung cấp chứng cứ là do ông Nguyễn Thanh Ph ký và viết ra. Như vậy, có căn ông Nguyễn Thanh Ph có vay của bà Lê Thị Kim Th 150.000.000 đồng ngày 04/01/2018 vay không xác định thời hạn và không tính lãi. Do ông Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên bà Lê Thị Kim Th có đơn khởi kiện về số nợ của ông Nguyễn Thanh Ph nhưng ông không có ý kiến phản bác gì về yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th buộc ông Nguyễn Thanh Ph thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 275, Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về rút một phần yêu cầu khởi kiện* của nguyên đơn: Tại phiên tòa bà Lê Thị Kim Th rút yêu cầu khởi kiện đối với nợ mua phân thuốc 20.000.000đ và hai khoản vay ngày 21/4/2019 tiền gốc 10.000.000đ và khoản vay ngày 24/5/2018 tiền gốc 5.000.000đ để khởi kiện sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Thanh Ph trả nợ

cho bà Lê Thị Kim Th tiền phân thuốc 20.000.000đ và nợ vay ngày 21/4/2019 tiền gốc 10.000.000đ và nợ vay ngày 24/5/2018 tiền gốc 5.000.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]*Về án phí*: Do yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Thanh Ph phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** - Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 5; khoản 1 Điều 147; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 275; Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Xử:** -Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Th buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải trả nợ vay cho bà Lê Thị Kim Th số tiền 150.000.000đ(Một trăm năm mươi triệu đồng).

-Đình chỉ xét xử về yêu cầu của bà Lê Thị Kim Th đối với ông Nguyễn Thanh Ph trả nợ phân thuốc 20.000.000đ; nợ vay ngày 21/4/2019 tiền gốc 10.000.000đ và nợ vay ngày 24/5/2018 tiền gốc 5.000.000đ.Người khởi kiện bà Lê Thị Kim Th có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

**Về án phí:** Ông Nguyễn Thanh Ph phải nộp 7.500.000đ(*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Lê Thị Kim Th tiền tạm ứng án phí 4.625.000đ theo biên lai số 0029251 ngày 27/8/20219 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKS Bắc Bình
- THA Bắc Bình
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thanh Thảo**

án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi:

“Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân; nếu xét xử theo thủ tục rút gọn thì bỏ đoạn “Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có” và chỉ ghi Thẩm phán và họ tên Thẩm phán xét xử (ví dụ: Thẩm phán: Nguyễn Văn A). Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2016 tại...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 03, 04 và 05 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 07 đến 11 tháng 3 năm ....); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-02 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm...).

(8) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ “công khai” bằng chữ “kín”.

(9) Tùy theo vụ án mà ghi “thông thường” hay “rút gọn”.

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LD” (ví dụ: số 18/2016/TLST-HNGĐ).

(11) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(12) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(13) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(14) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(21) và (22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký phiên tòa công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(24) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(25) Ghi quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị cụ thể của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).

Ví dụ 1: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)), nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., (nếu có)) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung...).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn là... có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

(26) Ghi nhận định của Toà án, phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Căn viện dẫn điểm, khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận.

Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án ghi nhận định áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

(27) Ghi căn cứ điểm, khoản, điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định (ví dụ: căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật đất đai; căn cứ điểm... khoản... Điều... Luật hôn nhân và gia đình,...)

(28) Ghi các quyết định của Toà án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy.

(29) Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*(Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
*(Ký tên và đóng dấu của Toà án)*

(Họ và tên)

Trong đơn khởi kiện ngày 13/05/2016 và các bản tự khai ngày 29/7/2016 và 29/11/2016 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thương trình bày: Trong tháng 7 năm 2013 bà Thương có làm thủ hội cùng rủ những người trong xóm tham gia gồm bà Lê Thị Hường, Long Thị Hiền, Đức Thị Nền, Thông Thị Loan, Huỳnh Thị Hà, Trần Thị Lanh, Huỳnh Thị Thương và Huỳnh Thị Tiến đều là người cùng thôn tham gia. Trong đó có bà Huỳnh Thị Tiến tham gia hai phần hội trong một dây hội, mỗi phần hội 1.000.000đ, sau khi khai hội đầu tiên bà Tiến ưu tiên hốt được hội với số tiền 7.000.000đ, lần hai mở hội bà Tiến hốt hội được 7.200.000đ. Theo thỏa thuận sau khi hốt hội kể từ lần mở hội kế theo bà Tiến phải có trách nhiệm góp lại cho bà Thương mỗi phần hội là 1.000.000đ, hai phần hội trong một dây hội nên góp lại 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hội là 08 tháng. Hình thức chơi hội có lãi do thành viên trong hội hưởng, bà Thương hưởng hoa hồng do thành viên lĩnh hội trả, mức hoa hồng do những người tham gia hội thỏa thuận. Đồng thời bà có trách nhiệm thu phần hội của các thành viên góp để giao cho thành viên được lĩnh hội. Trong trường hợp nếu có thành viên không góp hội thì chủ hội bà Thương phải tự góp cho thành viên khác và yêu cầu người không góp đủ phải trả lại cho chủ hội bà Thương phần chậm trả và phần thiệt hại. Sau khi hốt hội xong bà Tiến không nộp lại đúng và đủ số tiền 2.000.000đ/2 phần hội/1 tháng mà chỉ nộp 4 tháng 8.000.000đ và trong năm 2014 bà Tiến nộp 4 đợt tổng cộng 4.000.000đ, còn lại 4.000.000đ bà Tiến không tiếp tục nộp đủ nên bà Thương phải góp đủ cho các thành viên khác trong hội nhận sau đó bà có đưa ra thôn hòa giải, bà Tiến thừa nhận nợ hội 4.000.000đ nhưng không trả vì vậy bà khởi kiện ra tòa án yêu cầu bà Huỳnh Thị Tiến và chồng bà Tiến là ông Mai Hòa có trách nhiệm trả lại cho bà 4.000.000đ tiền hội không góp đủ.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Tiến và ông Mai Hòa không đến Tòa án để giải quyết và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra xem xét chứng cứ hòa giải và đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không đưa ra chứng cứ.

### **XÉT THẤY**

***Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình nhận định:***

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Bà Huỳnh Thị Tiến và ông Mai Hòa đã được tổng đạt hợp lệ thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ Hai nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bà Tiến và ông Hòa là phù hợp điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- ***Về nội dung:*** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thương vẫn yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Tiến cùng chồng bà Tiến là ông Mai Hòa phải liên đới có trách nhiệm trả số tiền 4.000.000đ nợ hội dây hội tháng 7 năm 2013 cho bà Huỳnh Thị Thương. Hội đồng xét xử xét thấy hình thức tham gia hội giữa bà Huỳnh Thị Thương và Huỳnh Thị Tiến là hội có lãi, hội hưởng hoa hồng, các thành viên tự nguyện tham gia với hình thức tương trợ trong nhân dân và có hưởng lãi theo thỏa thuận tự nguyện, thủ hội và thành viên



tham gia có quyền lợi thì phải có nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Đối với thành viên tham gia khi hốt hui thì phải có nghĩa vụ góp hui theo kỳ đúng theo thỏa thuận cho những thành viên trong hui nhận lãi và thủ hui hưởng hoa hồng do người lãnh hui phải trả theo thỏa thuận của những người thành viên trong hui và có trách nhiệm thu tiền của những thành viên trong hui góp phần hui đã tham gia giao cho thành viên khác ưu tiên nhận hui, khi có thành viên trong hui không góp hui thì chủ hui phải tự góp đủ cho thành viên khác trong hui và được quyền yêu cầu thành viên không góp hui hoàn trả lại cho chủ hui phần hui không góp đủ và bồi thường thiệt hại. Do bà Huỳnh Thị Tiến đã hốt hui đủ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ góp hui cho thủ hui theo thỏa thuận để giao cho các thành viên khác nên thủ hui là bà Thương đã chịu trách nhiệm nộp thay phần hui của bà Tiến do bà Tiến không góp cho thành viên khác. Vì vậy, bà Thương yêu cầu bà Tiến phải có trách nhiệm cùng chồng là ông Mai Hòa trả lại phần hui không góp đủ và bồi thường thiệt hại với số tiền 4.000.000đ cho bà Huỳnh Thị Thương là đúng qui định tại các điều 17; 24,25; 26;28 ; 30; 31 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ qui định về hui, họ, bêu, phường và khoản 2 điều 37 luật hôn nhân gia đình. Mặc dù khi giao tiền cho các hui viên bà Thương không cho ký nhận vào sổ nhưng bà tự theo dõi hui và tại buổi hòa giải của tổ hòa giải thôn Trí Thái ngày 08/6/2015 bà Tiến đã có thừa nhận nợ hui của bà Thương chưa góp đủ 4.000.000đ có những người trong tổ hòa giải thôn khai gồm ông Nguyễn Huy Hoàng, ông Tạ Văn Định, ông Huỳnh Thương, ông Huỳnh Thanh Tùng và bà Qua Thị Săng xác nhận là bà Tiến có ký thừa nhận nợ nhưng không đồng ý trả do bà Thương vu khống. Mặc khác, tại tài liệu thu thập chứng cứ do nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập theo quyết định thu thập chứng cứ số 02 ngày 09/8/2016 bà Huỳnh Thị Tiến và ông Mai Hòa có gửi văn bản cho Tòa án có trình bày thừa nhận có tham gia chơi hui với bà Thương có đóng tiền cho bà Thương nhưng không lâu nghe bà Thương ra ngoài tự vu khống và có cùng bà Thương ra thôn hòa giải nhưng không thành. Như vậy, có đủ căn cứ xác định biên bản hòa giải của thôn ngày 08/6/2016 bà Tiến có tham gia và có ký thừa nhận nợ hui của bà Thương 4.000.000đ.

Về phía bị đơn bà Huỳnh Thị Tiến và chồng bà Tiến là ông Mai Hòa không đến Tòa án theo thông báo của Tòa cũng không đưa ra ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thương nên Hội đồng xét xử xét thấy bà Huỳnh Thị Thương yêu cầu bà Huỳnh Thị Tiến cùng ông Mai Hòa phải có trách nhiệm trả cho bà Thương tiền hui không góp đủ 4.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị Tiến và ông Mai Hòa phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** - Khoản 3, điều 26; Điều 35; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 479, khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.



**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

**tòa**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKS Bắc Bình
- THA Bắc Bình
- Lưu hồ sơ

**Võ Tấn sinh**

**Hội thẩm nhân dân  
phiên tòa**

**Thẩm phán – Chủ tọa**

**Phượng**

**Hội thẩm nhân dân  
phiên tòa**

**Lê Thị**

**Thẩm phán – Chủ tọa**